

Bản án số:37/2020/DS-ST

Ngày 29 - 5 - 2019

V/v tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Kiển – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:75/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2020/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lâm Xuân V, sinh năm 1980; Cư trú: Ấp P Q, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau.

Người được nguyên đơn ủy quyền: Anh Trần Hoàng H, sinh năm 1989; Cư trú: Ấp C N, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 25/12/2019) (có mặt).

- Bị đơn: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1949 và Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1949

Cùng cư trú: Ấp P Q, xã T T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Hoàng H là người được nguyên đơn chị Lâm Xuân V ủy quyền trình bày: Ông S và bà T có tham gia các chứng hụi do chị làm chủ hụi, cụ thể:

- Dây hụi thứ nhất: Hụi 1.000.000 đồng, mở ngày 28/7/2014 al, mỗi tháng khai một lần, co 36 chứng, bà T và ông S tham gia 05 chứng,sau khi hốt hụi thì còn nợ 10.000.000 đồng, sau đó có trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại

8.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Hội 300.000 đồng mở ngày 13/02/2015 al, mỗi tháng khai một lần, có 57 chung, bà T và ông S tham gia 07 chung, sau khi hốt hội thì còn nợ 4.200.000 đồng, sau đó có trả được 2.000.000 đồng, còn nợ lại 2.200.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Hội 1.000.000 đồng mở ngày 13/10/2015 al, mỗi tháng khai một lần, có 36 chung, bà T và ông S tham gia 08 chung, sau khi hốt hội thì bà T và ông S còn nợ số tiền 128.000.000 đồng, bà T và ông S có trả cho chị 64.000.000 đồng, còn nợ lại 64.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Hội 300.000 đồng mở ngày 28/8/2016 al, mỗi tháng khai hai lần, tổng 46 chung, bà T và ông S tham gia 02 chung. Sau khi hốt hội thì bà T và ông S còn nợ lại 16.800.000 đồng.

- Dây hội thứ năm: Hội 300.000 đồng mở ngày 28/8/2016 al, mỗi tháng khai hai lần, có 46 chung, bà T và ông S tham gia 01 chung. Sau khi hốt hội thì bà T và ông S còn nợ lại 28 lần hội bằng 8.400.000 đồng.

Các chung hội này hiện nay vẫn còn. Tổng số tiền hội ông S và bà T nợ chị V là 99.400.000 đồng. Nay chị V yêu cầu ông S và bà T phải trả cho tổng số tiền là 99.400.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải của Tòa án bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà T thừa nhận về ngày tháng năm mở hội, số chung hội tham gia, các lần hốt hội, số tiền hội chết từng chung và hiện nay còn nợ chị V số tiền hội 99.400.000 đồng là đúng. Bà T xác định các chung trên đã mãn. Bà xác định bà và ông S đã ly thân nhưng vẫn còn ở chung nhà. Nay bà đồng ý trả cho chị V số tiền hội 99.400.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự là đúng với trình tự, thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 144/2006/ND – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, bêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị V. Buộc ông S và bà T có trách nhiệm trả cho chị Lâm Xuân V số tiền hội 99.400.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông S và bà T được miễn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lâm Xuân V khởi kiện yêu cầu ông Lâm Văn S và bà Huỳnh Thị T trả tiền hội đây là vụ kiện tranh chấp hội, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Lâm Văn S và bà Huỳnh Thị T có ý kiến xin từ chối tham gia phiên tòa sơ thẩm nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Về thấy rằng: Giao dịch dân sự giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, bà T xác định nợ của chị V số tiền hui 99.400.000 đồng là thực tế có xảy được bà Thi thừa nhận tại biên bản hòa giải của Tòa án. Bà T đồng ý trả số tiền trên cho chị V nhưng bà T xác định đây là nợ của bà, ông S không biết.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc chị Về làm chủ hui trong thời gian ông S và bà T còn chung sống với nhau, việc bà T hốt hui là nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống của gia đình, mặt khác tại biên bản ghi lời khai của ông bà Đoàn Lê Q và bà Châu Mộng L thể hiện hiện nay ông S và bà T còn chung sống với nhau và ông S vẫn đang ở địa phương, việc bà T tham gia hui ông S có biết. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định số nợ trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nên ông S và bà T phải có trách nhiệm trả số cho chị Lâm Xuân V số tiền hui 99.400.000 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn S và bà Huỳnh Thị T không phải chịu (thuộc đối tượng được miễn)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227; Điều 91; Điều 5; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hui, bêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Xuân V.

1. Buộc ông Lâm Văn S và bà Huỳnh Thị T phải có nghĩa vụ trả cho chị Lâm Xuân V số tiền 99.400.000 đồng (chín mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

2. Kể từ ngày chị Lâm Xuân V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lâm Văn S và bà Huỳnh Thị T chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông S và bà T còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự: Ông Lâm Văn S và bà Huỳnh Thị T không phải chịu (thuộc đối tượng được miễn)

Chị Lâm Xuân V không phải chịu. Ngày 21 tháng 02 năm 2020 chị Lâm Xuân Về đã dự nộp 1.268.000 đồng (một triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tại biên lai số 0010388 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Ngọc Yến